

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 02 /2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;



Căn cứ Biên bản số 49/BB-UBND họp ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Họp Thành viên UBND tỉnh thông qua các văn bản trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021 và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 853/TTr-STNMT ngày 10 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang gồm các nội dung như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân có mồ mả phải di dời, ngoài việc được bồi thường các chi phí nhân công đào đất, bốc cốt, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và các vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang còn được bố trí đất để cải táng. Trường hợp địa phương không có đất để bố trí thì được bồi thường bằng tiền bằng 15.000.000 đồng/mộ”.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt như sau:

“1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

a) Di chuyển trong phạm vi cấp xã: 10.000.000 đồng/hộ;

b) Di chuyển ngoài phạm vi cấp xã: 15.000.000 đồng/hộ”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chế độ trợ cấp ngừng việc làm khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hỗ trợ ổn định đời sống

Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020) thực hiện theo quy định sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa



bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

c) Diện tích đất nông nghiệp thu hồi quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó;

d) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo cho một nhân khẩu/tháng; giá gạo được tính theo giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ; kinh phí hỗ trợ được đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để chi trả;

đ) Đối với hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì việc hỗ trợ ổn định đời sống chỉ tính cho những nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức.

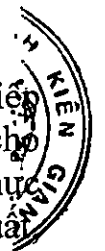
2. Hỗ trợ ổn định sản xuất

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ được tính bằng tiền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm quyết định thu hồi đất;

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020) được hỗ trợ ổn định sản xuất theo hình thức bằng tiền như sau:



- Trường hợp nhận giao khoán đất mà do người dân đầu tư vốn thì được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất.

- Trường hợp nhận giao khoán đất mà do Nhà nước đầu tư vốn thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất.

Giá đất để tính hỗ trợ tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất, loại đất hỗ trợ là loại đất theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất, diện tích hỗ trợ là diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không vượt quá 03 hecta.

3. Hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc làm

Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê lao động theo hợp đồng lao động bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc một lần tính bằng mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm quyết định thu hồi đất, thời gian tính trợ cấp cho mỗi lao động là 06 tháng”.

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá 02 hecta”.

5. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ di chuyển chỗ ở đối với người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản 5.000.000 đồng/hộ”.

6. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

“c) Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi đất”.

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;



b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan giải quyết những vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Hướng dẫn các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với người sử dụng đất phải di chuyển đến địa điểm mới do bị thu hồi đất.”.

8. Sửa đổi Điều 33 như sau:

“Điều 33. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quy định này.

2. Đối với những dự án đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường chính thức trước khi quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp bổ sung phương án bồi thường mà lỗi do cơ quan Nhà nước thì áp dụng quy định có lợi cho người có đất bị thu hồi;

b) Trường hợp bổ sung phương án bồi thường mà lỗi do người có đất bị thu hồi thì thực hiện theo quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

3. Việc chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quyết định này.

2. Đối với những dự án đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường chính thức trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp bổ sung phương án bồi thường mà lỗi do cơ quan Nhà nước thì áp dụng quy định có lợi cho người có đất bị thu hồi;

b) Trường hợp bổ sung phương án bồi thường mà lỗi do người có đất bị thu hồi thì thực hiện theo quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.



Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2022. *lsh*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP; Các P: KT, TH, NC; Ban TCD tỉnh;
- Lưu: VT, Sở TN&MT (05 bản); hdtan. (232)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

